



VIỆN VĂN HỌC

NGHIÊN CỨU

VĂN HỌC

L I T E R A R Y S T U D I E S

■ ISSN 0494-6928

Số 7 (569)

Tháng 7-2019

TẠP CHÍ CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

NGHIÊN CỨU
VĂN HỌC
LITERARY STUDIES

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch:

PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp

Ủy viên:

PGS.TS. Trần Thị An

PGS.TS. Trương Đăng Dung

PGS.TS. Đoàn Lê Giang

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

PGS.TS. Lưu Khánh Thơ

GS.TS. Trần Ngọc Vương

BAN BIÊN TẬP - TRỊ SỰ

TS. Trần Thiện Khanh (Phó Trưởng ban)

PGS.TS. Lưu Khánh Thơ

TS. Đỗ Thị Thu Huyền

ThS. Nguyễn Kim Nhạn

Tòa soạn: 20 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3825 2895 (115)

Fax: (04) 3825 0385

Email: tapchincvh@gmail.com

Website: <http://vienvanhoc.vass.gov.vn>

Giấy phép xuất bản số 283/GP-BVHTT cấp ngày 23-5-2001.

In tại Công ty Cổ phần sách và Phát triển giáo dục Việt Nam.

GIÁ: 48.000Đ

MỤC LỤC

Chuyên san Văn học các dân tộc thiểu số Nam Bộ
- từ truyền thống đến hiện đại

LỜI ĐẦU SỐ		
ĐOÀN LÊ GIANG	Người Hoa với Chiêu Anh Các - “Salon văn học” quốc tế đầu tiên của Việt Nam	3
PHẠM TIẾT KHÁNH	Truyện cổ dân tộc Chăm và Khmer nhìn từ góc độ đề tài	12
NGUYỄN KIM CHÂU	Hình tượng Quan Công qua câu đối trong chùa, miếu người Hoa ở An Giang	22
HỒ QUỐC HÙNG - HUỖNH VŨ LAM	Truyện cười dân gian Khmer trong đời sống thực tại	31
NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN	Từ truyện Ream Kê đến sân khấu Dù kê, Rô băm của người Khmer Nam Bộ	42
TẶNG VĂN THÒN	Đặc điểm ngôn ngữ thơ bảy chữ trong dân ca người Khmer Nam Bộ	50
NGUYỄN THỊ NHUNG	Sự tương đồng trong type truyện “Dũng sĩ diệt yêu quái” của người Khmer Nam Bộ và người Việt	57
NGUYỄN HỮU LỄ	Văn học Châu Ro – Từ truyền thống đến hiện đại	66
NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Vị thế hai nhà thơ gốc Hoa Trịnh Hoài Đức - Ngô Nhân Tĩnh trong nền văn học dân tộc giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX	78
PHAN MẠNH HÙNG – VŨ MINH TRUNG	Trương Hảo Hiệp và <i>Mộng Mai đình Hoa nguyên thảo tập</i>	84
NGUYỄN TRƯƠNG TUẤN	Vương Hồng Sển và <i>Tự vị tiếng Việt miền Nam</i> – Nhìn từ văn hóa tộc người Nam Bộ	100
ĐỖ THỊ THU HUYỀN	Giải lãnh thổ trạng thái xa xứ trong sáng tác Lý Lan	112

VĂN HỌC NHÀ TRƯỜNG

TRẦM THANH TUẤN *Sự tích Ao Bà Om - truyền thuyết tiêu biểu của người Khmer ở Trà Vinh* 121

ĐỌC SÁCH

NGUYỄN THỊ KIỀU TIÊN
- TẶNG VĂN THÒN *Tuyển tập truyện Ream Kêr dân tộc Khmer Nam Bộ* 127

TIN TỨC

PV Hội thảo *Kỷ niệm 100 năm sinh nhà thơ Huy Cận* 130
PV Hội thảo *Các tạp chí khoa học xã hội và công tác xuất bản trong cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế* 131
HN Hội thảo *Việt Nam, châu Âu giao lưu văn hóa, văn học* 132

họ
tổ
nú
ca
và
qu
đề

Đ
T
L
S
R
n
đ

(
th
t
h
x
d
d
k
th
h

tr
c
v
N

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ THƠ BẢY CHỮ TRONG DÂN CA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

TĂNG VĂN THÒN*

Tóm tắt: Thơ Khmer nói chung và thơ Khmer thể 7 chữ nói riêng là một thể thơ rất phổ biến trong các loại hình nghệ thuật Khmer, các tác giả thường dùng thơ Khmer thể 7 chữ để phối nhạc thành những bài hát dân ca, hát giao duyên, hát đối đáp, các bài hát trong các vở diễn Dù Kê,... Có thể nói thơ Khmer thể 7 chữ là thể thơ có không gian sử dụng rộng nhất so với các thể thơ Khmer khác, không chỉ riêng ở dân ca mà ở các loại hình nghệ thuật Khmer khác thể thơ 7 chữ cũng thường được sử dụng để sáng tác và phối nhạc. Bài viết giới thiệu một vài nét về ngôn ngữ thơ Khmer thể 7 chữ trong dân ca Khmer Nam Bộ.

Từ khóa: Thơ Khmer, Khmer Nam Bộ, Dù Kê, thơ Khmer thể 7 chữ

Abstract: Khmer poetry in general and Khmer seven-syllable poetry in particular is a popular form of Khmer art. Poets usually set the seven-syllable poetry to a melody in order to make folk songs, love exchange songs, call-and-response songs, and songs in Dù Kê performance. It is possible to say that the seven-syllable poetry is set into music in most forms of Khmer art. This article examines some language characters of the Khmer folk seven-syllable poetry in southern Vietnam.

Keywords: Khmer poetry, Khmer Nam Bộ, Dù Kê, Khmer seven-syllable poetry

Thơ Khmer là một loại hình đặc biệt, được xếp trong sự phân khu các phương thức trữ tình và là một trong những thể loại xuất hiện sớm nhất trong nền văn học Khmer. Thơ Khmer có lịch sử lâu đời như thế nhưng để tìm một định nghĩa thể hiện hết đặc trưng bản chất của nó cho việc nghiên cứu thơ Khmer ngày nay thì thật không dễ. Với thơ Khmer, có thể xem *tình cảm là gốc rễ, mầm lá là ngôn ngữ, hoa là âm thanh*. Quan niệm này không chỉ dừng lại ở việc nêu lên các yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn chỉ ra mối quan hệ gắn bó giữa chúng, tạo nên một thể thống

nhất hoàn chỉnh và sống động. Dưới cái nhìn cấu trúc, nhà nghiên cứu Phan Ngọc định nghĩa: “Thơ là cách tổ chức ngôn ngữ hết sức quái đản để bắt người tiếp nhận phải nhớ, phải cảm xúc và suy nghĩ do chính hình thức ngôn ngữ này” [3, tr.23-35]. Định nghĩa này đã gợi ra một trường nghiên cứu thơ hết sức rộng rãi: thơ không chỉ là hiện tượng ngôn ngữ học thuần túy mà chủ yếu là hiện tượng giao tiếp nghệ thuật, một phát ngôn trong ý nghĩa một cách đầy đủ.

Theo nhà thơ Châu Uôn, Lý Sên trong *Sách hướng dẫn viết thơ* cho rằng: “Thơ là những vốn từ ngữ có vần điệu, có quy định số lượng câu và âm tiết của

* ThS. - Trường Đại học Trà Vinh,
Email: vanthon.tang@gmail.com

từng thể thơ nói về những niềm vui, nỗi buồn, giáo dục con người” [13, tr.1]. Nhà thơ Chey Sên viết trong sách *Quan niệm bác tri thức*: “Thơ là sự giải thích về quá khứ của cuộc đời con người mà chúng ta không thể giải thích nó ở hiện tại” [9, tr.1-2]. Còn trong sách *Nghệ thuật viết thơ*, nhà thơ Pêch Tum Kro Vul xác định: “Thơ là những từ ngữ, tiếng nói có gieo vần, có điệp ngữ, có câu và khổ phù hợp với số lượng âm tiết nhất định” [14, tr.3]. Ngoài những quan niệm trên, cũng còn khá nhiều quan niệm khác về thơ Khmer. Đó là cơ sở để chúng tôi đi vào tìm hiểu những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ thơ Khmer, đặc biệt là qua thể thơ 7 chữ truyền thống của người Khmer.

1. Khái quát về thơ Khmer và thơ 7 chữ của người Khmer Nam Bộ

Tùy vào những thể thơ khác nhau, thơ Khmer có những quy định số lượng câu, âm tiết và cả cảnh hưởng, không gian sử dụng khác nhau. Thơ Khmer không gieo vần bằng hình thức trắc – bằng mà gieo vần bằng âm giọng của phụ âm kết hợp với nguyên âm, âm tiết giọng O phải gieo vần với âm tiết giọng O và âm tiết giọng Ô thì gieo vần với âm tiết giọng Ô.

Để có thể dễ dàng hơn trong việc sáng tác và kiểm tra cách gieo vần của từng thể thơ, nhà thơ Lý Sên đã sử dụng kí hiệu “0” đại diện cho một âm tiết và ở một số thể ông còn sử dụng chữ số “1, 2, 3,...”, phụ âm “ ័ , ៑ , ្ ,...”. Ngoài ra, ông còn đưa ra 3 loại ký hiệu để chỉ sự gieo vần trong tất cả các thể thơ Khmer:

“Gieo vần” bởi nguyên âm và phụ âm cuối: —

“Gieo vần” bởi phụ âm đầu (Điệp ngữ): —

“Gieo vần” bởi lặp lại từ cũ (Lặp từ):

Theo nhiều nhà nghiên cứu thơ Khmer như Tăng Thống Chuôn Nath, Lý Sên, Châu Uôn, Pêch Tum Kro Vol,... hiện nay thơ Khmer có tất cả khoảng 68 thể thơ cơ bản lẫn nâng cao.

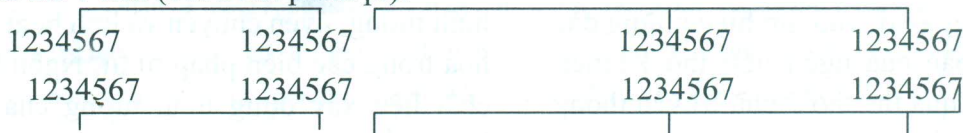
Ngôn ngữ nghệ thuật khác với ngôn ngữ giao tiếp thông thường, và “ngôn ngữ riêng” của các ngành nghệ thuật khác. Ngôn ngữ trong văn chương, trong thơ ca phải vừa có tính nghệ thuật, vừa có tính hình tượng, uyển chuyển và linh hoạt biến hóa trong các biện pháp tu từ. Ngôn từ là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học. Mối quan hệ giữa hình tượng và chất liệu không phải là sự kết hợp bên ngoài mà là sự thâm nhập, xuyên thấu vào nhau. Ngôn ngữ trong văn học nói chung là ngôn ngữ được sử dụng với mọi phương tiện biểu hiện của lời nói, nhịp, vần, ngữ điệu, các biện pháp tu từ để tạo hình tượng nghệ thuật. Nó cũng được khai thác từ ngôn ngữ toàn dân, song ngôn ngữ văn học nghệ thuật cũng có những đặc điểm riêng để phân biệt.

Ngôn ngữ thơ Khmer giàu cảm xúc, lời thơ thường là lời đánh giá, trực tiếp thể hiện mối quan hệ của chủ thể với cuộc đời, thể hiện tình cảm của nhà thơ với cuộc sống. Vì vậy, việc lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong thơ bao giờ cũng nhằm làm thái độ đánh giá. Ngôn ngữ thơ Khmer giàu tính nhạc, những âm thanh luyến láy, sự phối hợp giữa cách gieo vần, điệp ngữ, lặp từ, cách ngắt nhịp gợi cảm, điệp cấu trúc,... tạo nên tính nhạc trong thơ. Do đặc điểm ngôn từ hàm súc nên quá trình khám phá thơ Khmer phải công phu: đi từ lớp ngữ nghĩa, lớp hình ảnh, lớp âm

thanh, nhịp điệu,... để tìm hết những điều mà tác giả gợi ra qua ngôn từ tác phẩm.

Trong tất cả các thể loại thơ Khmer hiện nay, thể thơ 7 chữ là một thể thơ có nhiều kiểu loại nhất, còn lại các thể khác đa phần chỉ có 2 kiểu loại một cơ bản và một nâng cao. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến đặc điểm thể thơ 7 chữ cơ bản, thể thơ đang được sử dụng thịnh hành nhất hiện nay.

- Số lượng câu trong mỗi khổ thơ có 4 câu, trong một câu đều có 7 âm tiết nên gọi là thể 7 chữ (bot Peak prăm pi).



2. Đặc điểm ngôn ngữ thơ bảy chữ trong dân ca của người Khmer Nam Bộ

2.1. Ngôn ngữ thơ Khmer mang tính hàm súc

Tính hàm súc là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong các tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của từng thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung và có yêu cầu cao nhất trong tác phẩm thơ. So với nhiều thể loại văn chương Khmer khác, dân ca đám thường có dung lượng khiêm tốn. Để chuyển tải hết ý nghĩa của các thực hành nghi lễ trong qua bài dân ca ngắn, ngôn ngữ thơ phải thật hàm súc, lời ít ý nhiều, lời hết mà ý chưa cạn.

បើករបង
 របងមាសរបងដី
 របងបុរសុរសុរិសីងបនុលា
 ជុំជិតលុអកុរនឹងគុការ
 របងមហេលុអពកេកុតាតាំ។

- Cách gieo vần:

+ Gieo vần trong cùng một khổ: Ở mỗi khổ thơ của thể thơ 7 chữ, âm tiết thứ 7 của câu thứ nhất gieo vần với âm tiết thứ 4 của câu 2, âm tiết thứ 7 của câu 2 gieo vần với âm tiết thứ 7 của câu 3 và với âm tiết thứ 4 của câu 4.

+ Gieo vần giữa các khổ thơ với nhau: Âm tiết thứ 7 của câu 4 ở khổ thơ trước sẽ gieo vần với âm tiết thứ 7 của câu 2 và câu thứ 3 của khổ tiếp theo.



លុះហានបុកុសលុអសុមហោះមិនហាត់
 នរើបលហោកចងៃចាត់បើកដោយ
 ងាយ
 ជំរាបមហោមកេតានាយ
 ឲ្យជូរជូនលាយជូនរបង។

Mở rào

Này hàng vàng, hàng rào voi
 Hàng rào em gái phủ đầy gai chông,
 Dày đặc tươi tốt khó mà khai hoang.
 Hàng rào cha mẹ cố giữ vững vàng,
 Khi được ngày lành chung thủy được giữ,
 Người mới tỏ chức mở cổng dễ dàng.
 Kính vàng cha mẹ xa gần niệm tình
 Mở đường mở lối dâng hàng rào vàng.

Bài dân ca tái hiện khung cảnh rước dâu, gợi nhắc câu chuyện dân gian và quan niệm trân trọng, đề cao người phụ nữ của người Khmer qua tục lệ mở cổng rào. Bài

dân ca *Mở rào* với diễn xướng múa, hát của các Maha dù không còn được vang lên trong đám cưới của người Khmer ở một số địa phương nhưng vẫn là bài dân ca giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sĩ dựa trên cơ sở vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như ẩn dụ, so sánh,...

2.2. Ngôn ngữ thơ mang tính đa nghĩa

Tính đa nghĩa của thơ Khmer thể 7 chữ trong dân ca Khmer không chỉ do yếu tố chủ quan của người tiếp nhận theo nguyên lý: tác phẩm văn học = văn bản + người đọc mà còn do đặc trưng của ngôn ngữ thơ. Quan điểm của nhà thơ càng kín đáo bao nhiêu càng có lợi cho tác phẩm bấy nhiêu. Đặc trưng của tư tưởng nghệ thuật là toát ra từ hình tượng, tình huống, chi tiết. Chúng kích thích, kêu gọi người đọc để họ tự rút ra một tư tưởng nào đó. Tính mơ hồ, đa nghĩa của ngôn ngữ thơ Khmer trong dân ca Khmer tạo điều kiện cho người đọc trở thành đồng sáng tạo.

ហង់ផុលលែវើ

អញថាសុភពេទ្យលោកសុភពមិនដើរ
ពលខុលះដំណើរដោយដើរ

ពលខុលះជិះសេះជួនខុលះជុវើ
សុដលេមិនដៃដើរគួរនាងចាំ

មានទាំងការពារគុរបងសុភាំ
មុខគួរហោយពាក់សនោមនុតិរី

គ្រឹកៗគួរដេញទន្ធលកុតិ
សុភពផុនហ៊ីនាងតាមបំរើ

Rước trái cây

Người ta nói ông vua không bao giờ đi bộ,
Khi thì cưỡi ngựa, khi thì cưỡi voi.
Trái phải, trước sau có quan theo hầu,
Nào khiêng, nào rước trông rất tung bùng.
Sấm vang đất trời, nổi nhạc múa vui.

Khi vua ngủ rồi, nàng ơi! theo hầu.

2.3. Ngôn ngữ thơ có tính biểu cảm

Tính biểu cảm của ngôn ngữ thơ Khmer nằm trong bản chất của từng thể thơ. Dân ca Khmer cũng là một hình thức giao tiếp từ trái tim đến trái tim và nó có nhiều hình thức biểu cảm:

- Biểu cảm trực tiếp:

កាត់ផុតសុលា

ឱឱ!សុវិក្ខនមាសមុតាយអរើយ

មុតាយខំបីអរើយហាច់តូចដល់ផ្ទះ

ក្នុងពញ្ជក្រមុំសុខាន់សុលា

នាងមាសឱវា មុតាយកាត់ចុលវៃ

Cắt hoa cau

Oi! con gái mẹ ơi!

Mẹ nuôi từ nhỏ.

Giờ con đã lớn rồi,

Mẹ xin sinh lễ.

- Biểu cảm gián tiếp:

Nhà thơ dân gian dùng hình ảnh tượng trưng vẽ nên những bức tranh về đời sống, khơi gợi ở người đọc cảm xúc tương đồng. Gợi ý, gợi cảm là bí quyết của dân ca người Khmer:

ហង់ផុលលែវើ

អញថាសុភពេទ្យលោកមិនដៃដើរ
ពលខុលះជិះសេះ ខុលះដើរ

ការពារគុរបងសុភាំ សនោមនុតិរី
សងៃកុតិទ្ធលកុតិ គ្រឹកគុរដេណា

ផុតរលាន់ស័ព្ទសា ភុលដេសបុហាយ
លុះសុភពផុនហ៊ីនាងតាមបំរើ

Rước trái cây

Người ta nói ông vua
Không bao giờ đi bộ,
Khi thì cưỡi ngựa,
Khi thì cưỡi voi.

Trái phải, trước sau
 Có quan theo hầu,
 Nào khiêng, nào rước
 Trông rất tung bùng.
 Sấm vang đất trời,
 Nổi nhạc múa vui.
 Khi vua ngủ rồi,
 Nàng ơi! theo hầu.

Cảm xúc của ngôn ngữ thơ trong đoạn thơ trên là nhờ sự lựa chọn ngôn ngữ miêu tả hòa với tâm trạng biểu cảm. Ngôn ngữ thơ 7 chữ trong dân ca Khmer thường giàu tính biểu cảm, có đôi khi không có hình ảnh mà vẫn có sức hấp dẫn do sự cảm thông sâu sắc bởi ngôn ngữ và hoàn cảnh thơ. Tính biểu cảm của thể thơ 7 chữ trong dân ca người Khmer được thể hiện giàu cảm xúc nhờ sự phối hợp giữa ngôn ngữ tự sự, miêu tả với biểu cảm.

2.4. Ngôn ngữ thơ giàu tính hình tượng

Trong dân ca của người Khmer có những bài thơ 7 chữ mà ngôn ngữ ở đó như lời nói thẳng, như bài “Đêm động phòng”, nhưng ngôn ngữ thơ lại mang đậm tính hình tượng. Đó là khả năng tái hiện những hiện tượng cuộc sống một cách sinh động bằng những bức tranh gợi hình, gợi cảm. Ngôn ngữ thơ Khmer có hình tượng là ngôn ngữ giàu hình ảnh, tạo hình, âm thanh, màu sắc, có khả năng gây ấn tượng mạnh mẽ vào trí tưởng tượng và cảm nhận của người đọc.

Hình tượng thị giác là hình tượng phổ biến nhất của thơ 7 chữ trong dân ca Khmer. Trong một số trường hợp nhất định hình tượng thơ có thể trở thành biểu tượng.

សារិកាកវី

សារិកាកវីសារិកាកវីកលិច

បងលួងឱយសើចមុកចេសុរិយំ
 គន់មើលជើងសក់កំរមញ្ជ្រ
 គន់មើលជើងធុមញ្ជ្រលុអសមផង។
 សារិកាកវីសារិកាកវីកង
 សីផុលដៃបងចឹកគុណលង
 សុលាបវាចាកំហុមាច់មាត់ផុរើ
 កុលង

បុរិកគុណលង លើពុរិកុសា។

Chim sáo

Con sáo ơi! con sáo
 Anh vỗ cho cười,
 Sao em lại khóc?
 Ngắm về kẻ tóc,
 Điều đà óng ánh,
 Nhìn về chân răng,
 Vừa đẹp vừa xinh.
 Con sáo ơi! con sáo
 Ăn quả đơm boong,
 Mỏ mỏ đùa nhau.

Nói về hình tượng trong thơ, những đơn vị lớn hơn từ thì khái niệm hình tượng có thể xác định như là một thể thống nhất của tính tạo hình và biểu đạt. Hình tượng là một tín hiệu phức tạp trong đó xuất hiện với tư cách là bình diện nội dung, có sự biểu đạt mới, không bị rút gọn lại ở cái được biểu đạt trước đó. Giống như bài thơ trên, hình tượng con sáo và hình tượng nhân vật em song song cùng tồn tại, hiện hữu trong bài thơ.

Tính hình tượng xuất hiện do kết quả của sự đối chiếu hai khái niệm hoặc do kết quả của sự thay thế một khái niệm này bằng một khái niệm khác. Phương tiện của tính hình tượng trong nghĩa hẹp là phương tiện tu từ và biện pháp tu từ. Tuy nhiên một số từ thông thường lại mang cá tính chủ

thể tác giả và nhân vật trong tác phẩm thơ Khmer thì chúng lại mang tính hình tượng.

2.5. Ngôn ngữ thơ giàu tính nhạc

Tính nhạc làm cho bài thơ trở thành một sinh thể nghệ thuật, đồng thời làm nên tính độc đáo của ngôn ngữ thơ. Tính nhạc của ngôn ngữ thơ đã được ý thức từ xa xưa nhưng đó là thứ nhạc khuôn mẫu trong các thể thơ đã được luật hóa. Tất cả các bài thơ 7 chữ trong dân ca Khmer đều mang tính nhạc cao, tác giả dân gian đã dùng để phối nhạc và trở thành những bài dân ca còn lưu truyền cho đến ngày nay.

Thế giới nội tâm của nhà thơ dân gian không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Những đặc tính ngôn ngữ của thơ 7 chữ trong dân ca Khmer được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gọi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính khu biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Tác giả dân gian với các dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm.

Chính tác giả dân gian đã nói lên giá trị ngữ âm của ngôn thơ. Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của ngôn ngữ đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu.

ភត្តិរូបដំណកេ

អធ្យាភត្តរជាក៏ខុយលំរកលើយ
ភត្តិនេះហើយរួមវាសនា

បងបីថុនមករកងកាយ
សុវស្សីជីវិតជីវិត។

កុរហេកុលិនបុហុផសុរើបនាសា
ចងហាន្តរឹកនឹងជីវិត

សុវស្សបុហុលិនសុរិអស់ចិត្តុត សូម
សុវស្សរមិត្តកុហុកាន់។

Đêm động phòng

Đêm khuya, trời lạnh,

Gió thổi hiu hiu,

Tức là đêm nay,

Chung gói duyên tình.

Anh sẽ âu yếm,

Nâng niu thân em,

Người tình trọn đời.

Hoa thơm bát ngát,

Anh có cảm giác,

Muốn được nâng nui.

Xin em đừng chối từ!

Dòng thơ cất theo nhịp 2/2/3 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn. Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

Như vậy, nhạc điệu của thơ Khmer 7 chữ trong dân ca Khmer là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ Khmer. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác, một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ Khmer thì không còn có tính nhạc trong ngôn ngữ thơ.

3. Kết luận

Thơ là tiếng nói của tình cảm và là chiều sâu của thế giới nội tâm, là một thể

loại có bản chất đa dạng với nhiều biến thái và màu sắc phong phú. Do đó thơ Khmer nói chung, thể thơ 7 chữ trong dân ca người Khmer Nam Bộ nói riêng luôn mang những đặc điểm về ngôn ngữ, giúp thơ có sự khu biệt với các hình khác một cách rõ ràng. Những đặc điểm về tính hàm súc, tính đa nghĩa, tính biểu cảm, tính hình tượng và tính nhạc của thể thơ 7 chữ trong dân ca đăm Khmer Nam Bộ được bắt nguồn từ những đặc điểm riêng của ngôn ngữ Khmer và đặc trưng thể loại. Với những đặc tính riêng biệt đó thơ 7 chữ luôn mang đến những lớp nghĩa sâu sắc, ẩn phía sau bề mặt ngôn từ đầy tính thẩm mỹ và đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề nghiên cứu về chiều sâu trong quá trình sáng tác cũng như tiếp nhận thơ của dân tộc Khmer Nam Bộ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Võ Xuân Hào, Huỳnh Lê Chi Hải (2014), “Đặc điểm ngôn ngữ thơ Xuân Diệu và Xuân Quỳnh”, Tạp chí Đại học Sư phạm Hà Nội, nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Ngonngu/tabid/100/newstab/382/Default.aspx
- [2] Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên, 2004), *Từ điển văn học (Bộ mới)*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
- [3] Phan Ngọc (1991), *Thơ là gì? trong Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*. Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Phi Rum Nguôi (1972), *Giáo huấn Krom Nguôi*, Nxb. Học viện Phật giáo Campuchia, Phnôm Pênh. Tiếng Khmer.
- [5] Ly Su Mu Ni (2008), *Thơ Khmer*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội. Tiếng Khmer.
- [6] Đỗ Thị Vân Oanh (2013), “Ngôn ngữ biểu cảm và hình ảnh tượng trưng, ẩn dụ trong thơ Thiền Tuệ Trung”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 52.
- [7] Thạch Sô Phi (1993), *Tập viết thơ Khmer*, Tài liệu viết tay.
- [8] Trần Đình Sử (1997), *Những thể giới nghệ thuật thơ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Chey Sên (2005), *Quan niệm bậc tri thức*, Nxb. Pêch Net Campuchia, Phnôm Pênh, Tiếng Khmer.
- [10] Nguyễn Thị Kiều Tiên, Tăng Văn Thòn (2013), “Tìm hiểu thể thơ Khmer”, *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, số 2, tr.199-206.
- [11] Sóc Sú Thone (1996), *Khi cha không còn*, Nxb. Hội Tác giả Khmer Campuchia. Phnôm Pênh, Tiếng Khmer.
- [12] Tăng Văn Thòn (2016-2017), *Tư liệu sưu tầm dân ca Khmer Nam Bộ*.
- [13] Châu Uôn, Lý Sên (1996), *Thơ Khmer*, Nxb. Văn hóa - Thông tin Sóc Trăng, Tiếng Khmer.
- [14] Pêch Tum Kro Vul (2010), *Nghệ thuật viết thơ*, Nxb. Văn hóa Campuchia, Phnôm Pênh, Tiếng Khmer.